

sổ kế toán với tỷ giá quy đổi tại thời điểm điều chỉnh của cùng một loại ngoại tệ.

3. Các đối tượng quy định tại điểm 1 có các nghiệp vụ ngoại tệ thực hiện hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77/1998/TT-BTC ngày 06/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam sử dụng trong hạch toán kế toán ở doanh nghiệp.

4. Những ngoại tệ mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá quy đổi ra Đồng Việt Nam thì thống nhất quy đổi thông qua đồng Đôla Mỹ”.

III. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khoản chênh lệch tỷ giá chưa xử lý của khoản vay có gốc ngoại tệ phát sinh trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì xử lý như sau:

Khoản chênh lệch tỷ giá cao hơn do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản nợ có gốc ngoại tệ phát sinh từ năm tài chính 1999 trở về trước được phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cho các năm trả nợ còn lại theo kế ước vay, kể từ năm tài chính 2000 trở đi; thời gian phân bổ không quá 5 năm. Doanh nghiệp phải đăng ký với Cục Thuế địa phương việc phân bổ khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên.

Trường hợp tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiến triển tốt, doanh nghiệp có thể đề nghị với Cục Thuế địa phương để rút ngắn thời gian phân bổ.

IV. Thông tư này thay thế Thông tư số 101/2000/TT-BTC ngày 17/10/2000 của Bộ Tài chính và có hiệu lực cho việc quyết toán tài chính và quyết toán thuế từ năm tài chính 2000 trở đi (kể cả đối với các doanh nghiệp kết thúc năm tài chính

vào năm 2000). Các quy định khác tại Thông tư số 44-TC/TCĐN ngày 08/7/1997 của Bộ Tài chính không trái với các quy định tại Thông tư này vẫn còn hiệu lực thi hành.

V. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

THÔNG TƯ số 39/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ đối ứng hợp tác Vương quốc Bỉ giai đoạn II.

Căn cứ Hiệp định đặc biệt ký ngày 07 tháng 12 năm 2000 giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ về việc giảm nợ nước ngoài của Việt Nam đối với Bỉ và tài trợ cho các dự án tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp định), Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng Quỹ đối ứng hợp tác Vương quốc Bỉ tại Việt Nam giai đoạn II (sau đây gọi tắt là Quỹ đối ứng II) thành lập từ nguồn chuyển đổi nợ Bỉ theo Hiệp định như sau:

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bộ Tài chính thành lập Quỹ đối ứng II từ nguồn chi trả nợ Chính phủ Bỉ của ngân sách nhà nước.

2. Tài khoản Quỹ đối ứng II được mở tại Kho bạc nhà nước Trung ương, do Vụ Tài chính đối

ngoại - Bộ Tài chính là chủ tài khoản và được sử dụng để tài trợ cho các khoản chi tiêu bằng tiền Đồng Việt Nam của các dự án/chương trình hợp tác song phương trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa Bỉ và Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2003. Việc sử dụng tiền từ Quỹ đối ứng II cho các dự án/chương trình này sẽ được thực hiện thông qua một hiệp định giữa hai Chính phủ.

3. Việc điều hành thực hiện Quỹ đối ứng II sẽ do Ban Điều hành gồm có các thành viên sau:

- Đại diện Bộ Tài chính;
- Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tham tán Hợp tác quốc tế Đại sứ quán Bỉ;
- Đại diện cơ quan hợp tác kỹ thuật Bỉ;
- Đại diện cơ quan Việt Nam thực hiện dự án/chương trình hợp tác.

Bộ Tài chính sẽ chủ trì các phiên họp của Ban Điều hành.

Ban Điều hành có trách nhiệm sau: đánh giá ảnh hưởng và tính bền vững của các dự án trong tương lai sẽ được tài trợ từ Quỹ đối ứng II; phân tích tiến độ và thể thức thực hiện dự án; kiểm tra việc thực hiện Quỹ đối ứng II và xác định các khoản tiền cần thiết đối với các dự án đã được lựa chọn.

4. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thông báo cho cơ quan hợp tác kỹ thuật Bỉ về việc sử dụng vốn từ Quỹ đối ứng II cho các dự án để phía Bỉ làm thủ tục trừ nợ cho Việt Nam theo Hiệp định.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ ĐỐI ỨNG II

1. Tổng trị giá của Quỹ đối ứng II sẽ là số tiền

Đồng Việt Nam tương ứng với 317.591.164 Phrăng Bỉ (BEF) hay 7.872.879,31 Euro (EUR). Căn cứ vào kế hoạch vốn hàng năm (có chia ra các quý) do chủ dự án/chương trình được sử dụng Quỹ đối ứng II (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) lập và gửi cho Bộ Tài chính, định kỳ 6 tháng 1 lần (vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 năm 7 hàng năm) Bộ Tài chính sẽ chuyển tiền từ ngân sách nhà nước vào tài khoản Quỹ đối ứng II tại Kho bạc nhà nước Trung ương và hạch toán chi trả nợ cho phía Bỉ.

2. Các dự án đã được Chính phủ Việt Nam và Bỉ chấp nhận sử dụng tiền từ Quỹ đối ứng II phải ghi rõ trong Hiệp định riêng của dự án về trị giá tiền được tài trợ từ Quỹ đối ứng II và nêu chi tiết các khoản chi trong Hồ sơ tài chính kỹ thuật của dự án.

3. Chủ dự án mở một tài khoản nguồn vốn tại Kho bạc nhà nước nơi thường xuyên giao dịch để nhận các khoản tiền do Bộ Tài chính cấp từ Quỹ đối ứng II.

4. Căn cứ vào tiến độ thực hiện của dự án, các Chủ dự án có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng tiền từ Quỹ đối ứng II hàng quý và cả năm gửi cơ quan chủ quản cấp trên phê duyệt, đồng gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) cân đối vào kế hoạch ngân sách nhà nước. Các kế hoạch này cũng được đồng gửi cho các thành viên Việt Nam - Bỉ trong Ủy ban Điều hành để phối hợp theo dõi và chỉ đạo thực hiện.

Nếu số tiền sử dụng Quỹ đối ứng II được nêu trong các văn kiện dự án tính bằng ngoại tệ (Phrăng Bỉ hoặc Euro) thì tỷ giá quy đổi sang tiền Việt Nam để lập kế hoạch và cấp vốn thực tế từ Quỹ đối ứng II sẽ do Bộ Tài chính thông báo (căn cứ vào tỷ giá thị trường vào ngày làm việc đầu tiên của năm tài chính đó như quy định tại Hiệp định).

5. Thủ tục cấp phát:

a) Đối với lần cấp vốn đầu tiên, Chủ dự án gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại):

- Hiệp định riêng kèm theo Hồ sơ tài chính kỹ thuật của dự án;

- Quyết định phê duyệt các tài liệu dự án của cấp có thẩm quyền;

- Kế hoạch sử dụng vốn trong năm kế hoạch;

- Công văn đề nghị cấp tiền, kèm theo số tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, có chữ ký của hai đồng giám đốc dự án Việt Nam và Bỉ.

Lần cấp vốn đầu tiên sẽ được thực hiện căn cứ vào kế hoạch sử dụng vốn của dự án trong năm kế hoạch.

b) Đối với mỗi lần cấp tiền sau đó, Chủ dự án gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại):

- Công văn đề nghị cấp có nêu rõ số tiền Đồng Việt Nam, số tiền nguyên tệ tương ứng, số tài khoản đề nghị chuyển tiền có chữ ký của hai đồng giám đốc dự án Việt Nam và Bỉ;

- Báo cáo chi tiêu số tiền đã được cấp kỳ trước đó có xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

Sau khi nhận được đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu như trên, trong vòng 3 ngày làm việc, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) sẽ làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản nguồn của Chủ dự án mở tại Kho bạc nhà nước.

6. Hạch toán ngân sách nhà nước:

Trên cơ sở số tiền đã chuyển cho dự án từ Quỹ đối ứng II, Bộ Tài chính sẽ làm thủ tục hạch toán ghi thu ngân sách nhà nước tiền viện trợ từ nguồn chuyển đổi nợ của Chính phủ Bỉ và hạch toán ghi chi cấp phát bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, hoặc chuyển vốn cho Bộ, cơ quan Trung ương chủ quản dự án.

Các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ, cơ quan Trung ương chủ quản dự án có trách nhiệm thông báo cho các Chủ dự án việc cấp phát ngân sách nhà nước nói trên để Chủ dự án hạch toán sổ sách và quyết toán chi tiêu dự án.

7. Kho bạc nhà nước các cấp có trách nhiệm kiểm soát chi theo quy định hiện hành căn cứ vào Hồ sơ tài chính kỹ thuật của dự án trong đó có quy định các hạng mục được sử dụng tiền từ Quỹ đối ứng II, và xác nhận các khoản chi từ số tiền được sử dụng của các dự án trong chương trình chuyển đổi nợ Bỉ.

8. Chế độ báo cáo, quyết toán:

- Định kỳ 6 tháng và cả năm, các Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án, tình hình sử dụng vốn được cấp của Quỹ đối ứng kỳ trước cho Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc Bộ, cơ quan Trung ương chủ quản. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo với Ban Điều hành Quỹ đối ứng theo quy định tại Hồ sơ tài chính kỹ thuật của dự án.

- Chủ dự án có trách nhiệm sử dụng vốn đầu tư từ nguồn vốn nói trên theo đúng chế độ và lưu giữ các chứng từ gốc để phía Bỉ kiểm tra khi có yêu cầu.

- Chi tiêu của dự án đối với phần vốn được cấp từ Quỹ đối ứng có thể được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập (nếu có yêu cầu của phía Bỉ).

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán chi tiêu phần vốn được cấp từ Quỹ đối ứng với Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố, Bộ và cơ quan trung ương chủ quản, đồng thời gửi bản sao cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) để làm thủ tục quyết toán và trừ nợ với phía Bỉ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các Chủ dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Bộ và cơ quan Trung ương chủ quản cần phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

THÔNG TƯ số 40/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ qua Kho bạc nhà nước Trung ương.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20/3/1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và

trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát một số khoản chi bằng ngoại tệ của các đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương tại Kho bạc nhà nước Trung ương như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Những khoản chi bằng ngoại tệ được cấp phát theo hình thức lệnh chi tiền bao gồm:

- Chi trả nợ nước ngoài.
- Viện trợ cho các tổ chức quốc tế và nước ngoài theo quyết định của Chính phủ.
- Kinh phí cho các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
- Đóng góp cho các Tổ chức quốc tế đặc thù (ADB, WB, IMF, v.v...).
- Chi nghiệp vụ, nhập thiết bị, vật tư của an ninh, quốc phòng.
- Chi trợ cấp và đào tạo đối với lưu học sinh Việt Nam học ở nước ngoài theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm trợ cấp, học phí, vé máy bay, sinh hoạt phí của lưu học sinh).
- Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính (quốc phòng, an ninh, cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho một số dự án thuộc ngân sách nhà nước).